BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

THÔNG TƯ
Ban hành chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này ban hành chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm: Các yêu cầu về điều kiện bảo đảm chất lượng và chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn việc áp dụng, đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp* là các yêu cầu về tổ chức bộ máy và quản trị; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; chương trình, giáo trình đào tạo; cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; nguồn lực tài chính và hệ thống quản trị số và dữ liệu nhằm bảo đảm đủ điều kiện tổ chức và duy trì hoạt động đào tạo theo quy định.

2. *Chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp* là các chỉ số phản ánh mức độ và hiệu quả tổ chức hoạt động đào tạo và năng lực phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. *Mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp* là mức độ đáp ứng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với các yêu cầu về điều kiện bảo đảm chất lượng và các chỉ số hoạt động theo quy định của Thông tư này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4. *Nhà giáo cơ hữu* là nhà giáo được tuyển dụng và thực hiện chế độ làm việc toàn thời gian tại duy nhất một cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. *Người sử dụng lao động* là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

6. *Phòng học thực hành* là phòng, khu chức năng phục vụ thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm của từng ngành, nghề; nhóm ngành, nghề.

7. *Minh chứng* là các tài liệu in, tài liệu số hóa, tư liệu, sự vật được dẫn ra để xác nhận một cách khách quan mức độ đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng và chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Mục đích ban hành chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Làm căn cứ để đánh giá năng lực tổ chức đào tạo; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Làm căn cứ để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tự đánh giá, xây dựng kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Làm cơ sở để thực hiện quy hoạch, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế; đánh giá, giám sát các điều kiện bảo đảm chất lượng.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng và đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp được áp dụng thống nhất đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Việc đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thực hiện trên cơ sở dữ liệu và minh chứng.

3. Dữ liệu phục vụ việc đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đầy đủ, chính xác và khách quan, được kiểm tra, rà soát khi cần thiết.

Điều 5. Cập nhật và khai thác dữ liệu

1. Dữ liệu phục vụ xác định mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp được cập nhật vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền khai thác dữ liệu trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp để phục vụ công tác quản lý.

3. Trường hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu cập nhật theo quy định, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện thu

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

thập, tổng hợp, lưu trữ dữ liệu; cung cấp, báo cáo dữ liệu theo quy định và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bảo đảm phục vụ việc đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn và sẵn sàng cập nhật khi cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được vận hành, kết nối, liên thông.

Chương II

CHUẨN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 6. Các điều kiện bảo đảm chất lượng

1. Các điều kiện bảo đảm chất lượng gồm 06 (sáu) điều kiện sau:

a) Điều kiện 1. Tổ chức bộ máy và quản trị

Bảo đảm tổ chức bộ máy và cơ chế quản trị của cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thiết lập, vận hành theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô và định hướng phát triển.

b) Điều kiện 2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

Đội ngũ nhà giáo bảo đảm đủ số lượng; chuẩn nghề nghiệp theo ngành, nghề, trình độ đào tạo; cán bộ quản lý đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

c) Điều kiện 3. Chương trình, giáo trình đào tạo

Có đầy đủ chương trình, giáo trình cho các ngành, nghề đào tạo; chương trình, giáo trình được ban hành, định kỳ rà soát, cập nhật theo quy định.

d) Điều kiện 4. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Cơ sở vật chất đáp ứng quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo; thiết bị, dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được quản lý, sử dụng hiệu quả; thực hiện theo dõi, kiểm kê, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

đ) Điều kiện 5. Nguồn lực tài chính

Bảo đảm nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu duy trì và phát triển hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

e) Điều kiện 6. Hệ thống quản trị số và dữ liệu

Bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, quản lý và khai thác dữ liệu, an toàn thông tin và an ninh mạng.

2. Hướng dẫn xác định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm 10 (mười) chỉ số sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Chỉ số 01. Tỷ lệ nhập học trên số chỉ tiêu công bố trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm đạt từ 50% trở lên.

b) Chỉ số 02. Tỷ lệ biến động quy mô đào tạo của năm báo cáo so với quy mô đào tạo của 02 năm trước không giảm quá 30%, trừ trường hợp việc giảm quy mô nằm trong định hướng phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Chỉ số 03. Tỷ lệ thời lượng giảng dạy do nhà giáo cơ hữu đảm nhiệm đạt tối thiểu 60% khối lượng học tập của từng chương trình đào tạo.

d) Chỉ số 04. Tỷ lệ chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật theo yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của khoa học, công nghệ và phản hồi của các bên liên quan đạt từ 60% trở lên.

đ) Chỉ số 05. Tỷ lệ chương trình đào tạo có sự tham gia của người sử dụng lao động trong quá trình đào tạo đạt từ 70% trở lên.

e) Chỉ số 06. Tỷ lệ môn học, mô đun bảo đảm các điều kiện giảng dạy trực tuyến của từng chương trình đào tạo đạt từ 20% trở lên.

g) Chỉ số 07. Tỷ lệ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn đạt từ 60% trở lên.

h) Chỉ số 08. Tỷ lệ người học đã tốt nghiệp có việc làm phù hợp nhóm ngành, nghề đào tạo hoặc tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao trình độ đạt từ 70% trở lên.

i) Chỉ số 09. Tỷ lệ người học và người học đã tốt nghiệp hài lòng đối với chất lượng đào tạo đạt từ 70% trở lên.

k) Chỉ số 10. Tỷ lệ người sử dụng lao động hài lòng đối với khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp đạt từ 70% trở lên.

2. Hướng dẫn xác định các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG VÀ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CHUẨN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 8. Áp dụng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp áp dụng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có khóa học đã tốt nghiệp của một trong các chương trình giáo dục trung học nghề, chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (sau đây gọi chung là chương trình đào tạo cấp văn bằng) trong vòng 12 tháng; riêng đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe, thời gian này là 24 tháng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an:

a) Không áp dụng yêu cầu 1.4 của Điều kiện 1 và toàn bộ Điều kiện 5 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Việc thu thập, cập nhật, khai thác và quản lý dữ liệu và minh chứng thực hiện theo quy định lĩnh vực quốc phòng và an ninh.

Điều 9. Xác định mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định trên cơ sở kết quả đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và các chỉ số hoạt động theo quy định tại Thông tư này.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này và các chỉ số hoạt động đạt mức yêu cầu theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chuẩn và có các chỉ số hoạt động cao hơn mức yêu cầu quy định tại Điều 7 của Thông tư này được xem xét đầu tư phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế.

Điều 10. Tự đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tự đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp hằng năm trên cơ sở dữ liệu đã cập nhật theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Dữ liệu tự đánh giá được chốt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo. Báo cáo kết quả tự đánh giá được hoàn thiện chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm sau liền kề.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện công bố kết quả tự đánh giá và chịu trách nhiệm về kết quả công bố.

4. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm giải trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên có liên quan; đồng thời thực hiện rà soát, cải tiến nhằm duy trì và nâng cao mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 11. Rà soát, cập nhật chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp được rà soát, cập nhật định kỳ 05 năm một lần, bảo đảm tiệm cận và từng bước hội nhập với chuẩn khu vực và quốc tế.

2. Trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định việc rà soát, cập nhật trước thời hạn.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các bên

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cung cấp, cập nhật dữ liệu phục vụ xác định mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp;

b) Tổng hợp kết quả thực hiện chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp, công khai thông tin về mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định;

c) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện quy định tại Thông tư này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn;

b) Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định;

c) Thực hiện kiểm tra việc áp dụng, đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp và việc cập nhật, báo cáo dữ liệu của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn;

d) Yêu cầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát, bổ sung, điều chỉnh thông tin, dữ liệu trong trường hợp dữ liệu chưa đầy đủ hoặc chưa bảo đảm theo quy định.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý đáp ứng, duy trì và nâng cao mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Cập nhật, lưu trữ đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu phục vụ xác định mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định. Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của dữ liệu;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Thực hiện tự đánh giá, báo cáo và công khai kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Thông tư này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

c) Căn cứ kết quả tự đánh giá, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện; áp dụng các biện pháp nhằm đáp ứng, duy trì và nâng cao mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã có quyết định về việc thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 phải đáp ứng quy định chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Hằng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này phải thực hiện việc cập nhật dữ liệu, tự đánh giá, báo cáo và công khai kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này; đồng thời xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tiến để bảo đảm đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quân

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
(Kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Điều kiện bảo đảm chất lượng		
	Nội dung	**Yêu cầu**	
1.	**Điều kiện 1. Tổ chức bộ máy và quản trị**	1.1.	Sứ mạng, mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển của trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
		1.2.	Quy chế tổ chức và hoạt động được ban hành và thực hiện theo quy định.
		1.3.	Cơ cấu bộ máy được tổ chức và vận hành theo quy định, đáp ứng yêu cầu hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
		1.4.	Danh mục vị trí việc làm; quy định về công tác cán bộ, nhân sự được tổ chức thực hiện theo quy định.
2	**Điều kiện 2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý**	2.1.	Số lượng nhà giáo đáp ứng yêu cầu theo quy mô đào tạo.
		2.2.	Nhà giáo đạt chuẩn nghề nghiệp theo ngành, nghề, trình độ đào tạo.
		2.3.	Cán bộ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.
3.	**Điều kiện 3. Chương trình, giáo trình đào tạo**	3.1.	Đảm bảo đủ chương trình, giáo trình đào tạo cho các ngành, nghề, trình độ đào tạo theo quy định.
		3.2.	Chương trình, giáo trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành, rà soát và cập nhật theo quy định.
4.	**Điều kiện 4. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**	4.1.	Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành và các khu vực phục vụ đào tạo khác bảo đảm yêu cầu chương trình đào tạo; quy mô và cơ cấu ngành, nghề đào tạo; các quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ theo quy định.
		4.2.	Bảo đảm các công trình phụ trợ, bao gồm: khu hành chính quản trị, khu rèn luyện thể chất, khu

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

STT	Điều kiện bảo đảm chất lượng		
	Nội dung	Yêu cầu	
			phục vụ học tập và khu sinh hoạt chung bảo đảm quy mô đào tạo.
		4.3.	Thiết bị, dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo.
		4.4.	Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được quản lý, sử dụng hiệu quả; thực hiện theo dõi, kiểm kê, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.
5.	**Điều kiện 5. Nguồn lực tài chính**	5.1.	Có nguồn tài chính hợp pháp, ổn định, bảo đảm chi thường xuyên và hoạt động đào tạo theo quy định.
		5.2.	Có quy chế quản lý tài chính và thực hiện kiểm tra, kiểm toán hoặc tự kiểm tra tài chính định kỳ theo quy định.
		5.3.	Báo cáo tài chính được lập và công khai hằng năm theo quy định.
6.	**Điều kiện 6. Hệ thống quản trị số và dữ liệu**	6.1.	Có hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, điều hành, tổ chức đào tạo; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu theo quy định.
		6.2.	Có cơ sở dữ liệu số đồng bộ, bao quát thông tin về các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
		6.3.	Dữ liệu được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác; được quản lý, khai thác và sử dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành và bảo đảm chất lượng đào tạo.
		6.4.	Có quy định và biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; có phương án phòng ngừa, phát hiện và xử lý sự cố hệ thống và dữ liệu.

2. Dữ liệu để xác định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Việc xác định mức độ đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Phụ lục này được thực hiện trên cơ sở dữ liệu của toàn cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đối với các yêu cầu liên quan đến tổ chức đào tạo thì áp dụng dữ liệu các chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH

CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp		Yêu cầu
	Tên	Nội dung	
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chỉ số 01	Tỷ lệ nhập học	≥ 50 %
2	Chỉ số 02	Tỷ lệ biến động quy mô đào tạo trong 02 năm	≥ - 30 %
3	Chỉ số 03	Tỷ lệ thời lượng giảng dạy do nhà giáo cơ hữu đảm nhiệm	≥ 60 %
4	Chỉ số 04	Tỷ lệ chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật	≥ 60 %
5	Chỉ số 05	Tỷ lệ chương trình đào tạo có sự tham gia của người sử dụng lao động trong quá trình đào tạo	≥ 70 %
6	Chỉ số 06	Tỷ lệ môn học, mô đun bảo đảm các điều kiện giảng dạy trực tuyến của từng chương trình đào tạo	≥ 20 %
7	Chỉ số 07	Tỷ lệ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn	≥ 60%
8	Chỉ số 08	Tỷ lệ người học đã tốt nghiệp có việc làm phù hợp	≥ 70%
9	Chỉ số 09	Tỷ lệ người học và người học đã tốt nghiệp hài lòng đối với chất lượng đào tạo	≥ 70%
10	Chỉ số 10	Tỷ lệ người sử dụng lao động hài lòng đối với khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp	≥ 70%

2. Hướng dẫn xác định các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Kết quả tính toán tỷ lệ phần trăm (%) của các chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Phụ lục này được làm tròn đến 02 (hai) chữ số thập phân.

a) Chỉ số 01: Tỷ lệ nhập học trên số chỉ tiêu công bố trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm, được xác định theo công thức sau:

$$\text{CS 01 (\%)} = \frac{T_{nh}}{T_{ts}} \times 100$$

Trong đó:

- T_{nh}: là số người học đã hoàn tất thủ tục nhập học trong năm báo cáo.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- T_{ts}: là tổng chỉ tiêu tuyển sinh công bố theo quy định trong năm báo cáo.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 01 khi CS 01 ≥ 50%.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học các chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

b) Chỉ số 02: Tỷ lệ biến động quy mô đào tạo của năm báo cáo so với quy mô đào tạo của 02 năm trước, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 02\ (\%) = (\frac{Q_n}{Q_{n-2}} - 1) \times 100$$

Trong đó:

- Q_n: là quy mô đào tạo thực tế quy đổi của năm báo cáo (năm n).

- Q_{n-2}: là quy mô đào tạo thực tế quy đổi của năm cách năm báo cáo 02 năm (năm n-2).

Người học có thời gian học khác nhau trong năm được quy đổi về số người học có thời gian học là 10 tháng, theo đó mỗi người học được tính theo tỷ lệ giữa thời gian thực học trong năm và 10 tháng.

$$Q_n = \sum_{i=1}^{k} \left(N_i \times \frac{T_i}{10} \right)$$

Trong đó:

N_i: là số người học của khóa học thứ i trong năm báo cáo.

T_i: là số tháng thực học của khóa học thứ i trong năm báo cáo.

k: là số khóa học trong năm báo cáo.

Q_{n-2} được xác định tương tự Q_n.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 02 khi CS 02 ≥ -30%.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học các chương trình đào tạo cấp văn bằng, không bao gồm: người học bỏ học; người học đã hết thời gian đào tạo theo quy định của chương trình đào tạo nhưng chưa tốt nghiệp.

c) Chỉ số 03: Tỷ lệ thời lượng giảng dạy do nhà giáo cơ hữu đảm nhiệm cho từng chương trình đào tạo, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 03_j\ (\%) = \frac{GC_j}{G_j} \times 100$$

Trong đó:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- GC_j: là số giờ chuẩn do nhà giáo cơ hữu giảng dạy của chương trình đào tạo (j).

- G_j: là tổng số giờ của chương trình đào tạo (j) theo quy định.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 03 khi CS $03_j \geq$ 60% cho tất cả chương trình đào tạo.

Dữ liệu để xác định chỉ số là nhà giáo cơ hữu giảng dạy từng chương trình đào tạo cấp văn bằng kết thúc trong năm báo cáo.

d) Chỉ số 04: Tỷ lệ chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật theo yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của khoa học, công nghệ và phản hồi của các bên liên quan, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 04\ (\%) = \frac{CT_{cn}}{CT} \times 100$$

Trong đó:

- CT_{cn}: là số chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật theo yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của khoa học, công nghệ và kết quả đánh giá phản hồi của các bên liên quan (người học, người học đã tốt nghiệp và người sử dụng lao động) trong năm báo cáo.

- CT: là số chương trình đào tạo trong năm báo cáo.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 04 khi CS 04 $\geq$ 60%.

Dữ liệu để xác định chỉ số là chương trình đào tạo cấp văn bằng cho tất cả các ngành, nghề trong năm báo cáo.

đ) Chỉ số 05: Tỷ lệ chương trình đào tạo có sự tham gia của người sử dụng lao động trong quá trình đào tạo, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 05\ (\%) = \frac{CT_{dn}}{CT_{kt}} \times 100$$

Trong đó:

- CT_{dn}: là số chương trình đào tạo kết thúc trong năm báo cáo có sự tham gia người sử dụng lao động cho hoạt động hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học hoặc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

- CT_{kt}: là tổng số chương trình đào tạo kết thúc trong năm báo cáo.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 05 khi CS 05 $\geq$ 70%.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Dữ liệu để xác định chỉ số là các chương trình đào tạo cấp văn bằng kết thúc trong năm báo cáo.

e) Chỉ số 06: Tỷ lệ môn học, mô đun bảo đảm các điều kiện giảng dạy trực tuyến của từng chương trình đào tạo, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 06_j\ (\%) = \frac{TT_j}{MH_j} \times 100$$

Trong đó:

- TT_j: là số môn học, mô đun bảo đảm các điều kiện giảng dạy trực tuyến (học liệu số, phần mềm tổ chức dạy học, quản lý học tập,... sẵn sàng đáp ứng yêu cầu dạy và học trực tuyến) của chương trình đào tạo (j).

- MH_j: là tổng số môn học, mô đun của chương trình đào tạo (j).

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 06 khi $CS\ 06_j \geq 20\%$ cho tất cả các chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

Dữ liệu để xác định chỉ số là môn học, mô đun của từng chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

g) Chỉ số 07: Tỷ lệ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 07\ (\%) = \frac{NH_{ht}}{NH_{tt}} \times 100$$

Trong đó:

- NH_{ht}: là số người học hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định được xác định trong chương trình đào tạo.

- NH_{tt}: là tổng số người học trúng tuyển nhập học đầu khóa.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 07 khi CS 07 $\geq$ 60%.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học các chương trình đào tạo cấp văn bằng kết thúc trong năm báo cáo.

h) Chỉ số 08. Tỷ lệ người học đã tốt nghiệp có việc làm phù hợp nhóm ngành, nghề đào tạo hoặc tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao trình độ, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 08\ (\%) = \frac{TN_{vl}}{TN_{ph}} \times 100$$

Trong đó:

- TN_{vl}: là số người học đã tốt nghiệp có việc làm phù hợp nhóm ngành, nghề đào tạo hoặc tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao trình độ.

- TN_{ph}: là tổng số người học đã tốt nghiệp phản hồi khảo sát.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 08 khi CS 08 ≥ 70%.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học các chương trình đào tạo cấp văn bằng đã tốt nghiệp trong vòng 12 tháng, riêng đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe, thời gian này là 24 tháng tính đến thời điểm chốt dữ liệu.

Yêu cầu khảo sát: Khảo sát tối thiểu 50% số người học đã tốt nghiệp nêu trên. Tỷ lệ phản hồi đạt từ 70% số người học được khảo sát, bảo đảm cơ cấu người học theo ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo, khóa học.

i) Chỉ số 09: Tỷ lệ người học và người học đã tốt nghiệp hài lòng đối với chất lượng đào tạo, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 09\ (\%) = \frac{NH_{hl}}{NH_{ph}} \times 100$$

Trong đó:

- NH_{hl}: là số người học, người học đã tốt nghiệp phản hồi tích cực, đánh giá từ mức hài lòng trở lên đối với chất lượng chương trình đào tạo.

- NH_{ph}: là tổng số người học, người học đã tốt nghiệp phản hồi khảo sát.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 09 khi CS 09 ≥ 70%.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học, người học đã tốt nghiệp các chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

Yêu cầu khảo sát: Khảo sát tối thiểu 50% số người học, 50% người học đã tốt nghiệp. Tỷ lệ phản hồi đạt từ 70% số người học, 70% người học đã tốt nghiệp được khảo sát, đảm bảo cơ cấu người học theo ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo, khóa học.

k) Chỉ số 10: Tỷ lệ người sử dụng lao động hài lòng đối với khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học đã tốt nghiệp, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 10\ (\%) = \frac{DN_{hl}}{DN_{tg}} \times 100$$

Trong đó:

- DN_{hl}: là số người sử dụng lao động phản hồi tích cực, đánh giá từ mức hài lòng trở lên đối với người học đã tốt nghiệp.

- DN_{tg}: là tổng số người sử dụng lao động tham gia khảo sát.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 10 khi CS 10 ≥ 70%.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người sử dụng lao động có sử dụng người học đã tốt nghiệp chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Yêu cầu khảo sát: Mỗi ngành, nghề đào tạo khảo sát tối thiểu 03 người sử dụng lao động có sử dụng người học đã tốt nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Việc lựa chọn người sử dụng lao động bảo đảm tính đa dạng, đại diện theo ngành, nghề đào tạo, quy mô và các loại hình hoạt động của người sử dụng lao động.

3. Biểu mẫu báo cáo mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Biểu mẫu báo cáo điều kiện bảo đảm chất lượng

STT	Điều kiện bảo đảm chất lượng	Minh chứng
(1)	(2)	(3)
I.	**Các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu**	
1		
2		
…		
II.	**Các điều kiện bảo đảm chất lượng không đáp ứng yêu cầu**	
1		
2		
…		

Ghi chú:

(1) Ghi số thứ tự.

(2) Ghi các yêu cầu của từng điều kiện bảo đảm chất lượng.

(3) Ghi danh mục minh chứng hoặc đường dẫn minh chứng cho từng yêu cầu các điều kiện bảo đảm chất lượng.

b) Biểu mẫu báo cáo các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp		Kết quả tự đánh giá	Yêu cầu	Minh chứng
	Tên	Nội dung			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I.	**Các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt yêu cầu**				
1					
2					
…					
II.	**Các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp không đạt yêu cầu**				
1					
2					

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

STT	Chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp		Kết quả tự đánh giá	Yêu cầu	Minh chứng
	Tên	Nội dung			
...					

Ghi chú:

(1) Ghi số thứ tự.

(2) Ghi tên chỉ số.

(3) Ghi nội dung chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(4) Ghi kết quả tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(5) Ghi yêu cầu chỉ số theo quy định.

(6) Ghi danh mục minh chứng hoặc đường dẫn minh chứng cho từng chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ kết quả tự đánh giá tại điểm a và điểm b mục 3 Phụ lục II Thông tư này, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này như sau *(đánh dấu "X" vào 01 trong 02 ô tương ứng)*:

☐ **Đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** Khi cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của điều kiện bảo đảm chất lượng và đạt mức yêu cầu của tất cả các chỉ số hoạt động.

☐ **Không đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** Khi cơ sở giáo dục nghề nghiệp có từ 01 yêu cầu của điều kiện bảo đảm chất lượng trở lên không đáp ứng hoặc có từ 01 chỉ số hoạt động trở lên không đạt mức yêu cầu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn